

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO T&P VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO T&P VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM T&P HIGH TECHNOLOGY AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TP AGRICULTURE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109035522

3. Ngày thành lập: 24/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26, ngõ 21, ngách 1, tổ 4, đường Văn Nội, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)	4620(Chính)
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
14.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu.)	4773
15.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
16.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

17.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
18.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
23.	Đại lý du lịch	7911
24.	Điều hành tua du lịch	7912
25.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
27.	Quảng cáo	7310
28.	In ấn	1811
29.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
30.	Sao chép bản ghi các loại	1820
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
33.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
34.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
35.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
36.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
37.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
38.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất đường	1072
41.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
42.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Trồng lúa	0111

45.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
46.	Trồng cây mía	0114
47.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
48.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
49.	Trồng cây lấy sợi	0116
50.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
51.	Trồng cây ăn quả	0121
52.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
54.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
55.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
56.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
57.	Trồng cây lâu năm khác	0129
58.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
59.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
60.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

6. Vốn điều lệ: 8.888.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM QUANG DUY	Tổ 9, Thị Trấn Xuân Trường, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	177.760	1.777.600.000	20,000	036084005579	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	177.760	1.777.600.000	20,000		
2	NGÔ ĐỨC TOÀN	Số 13 Ngõ 46 Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	355.520	3.555.200.000	40,000	001084001438	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	355.520	3.555.200.000	40,000		

3	NGUYỄN VÂN PHONG	Số 26, ngõ 21, ngách 1, đường Văn Nội, tổ 4, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	355.520	3.555.200.000	40,000	112262031
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	355.520	3.555.200.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM QUANG DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036084005579

Ngày cấp: 19/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, Thị trấn Xuân Trường, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 9, Thị trấn Xuân Trường, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội